TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 3 - 2018
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trọng Tính

2. Ông Tạ Văn Khách

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2017/HNGĐ-ST ngày 30-10-2017 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-02-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thúy N, sinh năm 1987 (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (Vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã LB, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Thúy N trình bày:

Ngày 14-01-2011, chị N với Anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Long Bình, nay là huyện Phú Riềng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh T không quan tâm chăm lo cho gia đình. Do vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và từ năm 2015 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về việc nuôi con: Trong quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung là cháu: Nguyễn Quang N, sinh ngày: 03-6-2012, từ khi hai người sống ly thân cho đến nay cháu Quang N trực tiếp ở với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu

cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi cháu Quang N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản lời khai ngày 30-10-2017, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị N là đúng về việc kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân. Nay, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T, thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về việc nuôi con: Anh chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Quang N, sinh ngày: 03-6-2012. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", các bên đương sự hiện cư trú tại thôn A, xã LB, huyện PR, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

Tại phiện tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhiều lần, nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Thúy N cho rằng, trong thời gian chung sống nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, anh T không quan tâm chăm lo cho gia đình. Xét thấy, chị N và anh T sống chung với nhau từ năm 2011, việc sống chung hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án kiên trì hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, hơn nữa theo lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn hiện anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, anh chị đã từng nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nhưng sau đó thỏa thuận rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng vẫn không được hạnh phúc.

Tại phiên tòa chị N vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh T. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị N là phù hợp.

[3] Về việc nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N và anh T đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân với nhau cháu Quang N sống chung với chị N và thực tế chị vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng được cháu; mặt khác, cháu Quang N đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ và sự ổn định của cháu. Do đó, cần giao con chung là cháu Nguyễn Quang N, sinh ngày: 03-6-2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Thúy N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Thúy N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thúy N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/ Về việc nuôi con: Giao cho chị Trương Thị Thúy N trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Quang N, sinh ngày: 03-6-2012. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích mọi mặt của con, anh T, chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Thúy N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 026121 ngày 30-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn chị Trương Thị Thúy N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Phú Riềng;*
- *CC THA DS huyện Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Dương